

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76/2018/DS-PT**

Ngày: 19/4/2018

*V/v: Tranh chấp quyền sử dụng
đất; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu**

Các Thẩm phán:

Bà **Trần Thị Thanh Hà**

Bà **Phan Thị Thu Hương**

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Đình Thắng
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2018/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 27/09/2017 của Tòa án nhân dân thị xã LK tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 68/2018/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông **TXA**, sinh năm 1973

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **NTT**, sinh năm 1974. (Văn bản ủy quyền ngày 18/4/2018).

Cùng trú quán: Số 85 đường số 1, ấp TT, xã XL, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **NHH** – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

-Bị đơn: Bà **TTTT**, sinh năm 1970.

Ông **VTP**, sinh năm: 1965.

Cùng trú quán: Số 87 đường 1, ấp TT, xã XL, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Bà **TTTT**, sinh năm 1970. (Văn bản ủy quyền ngày 16/7/2015).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th: Luật sư NĐĐ, sinh năm 1954 - Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **LTT**, sinh năm 1936.

2. Ông **TĐK**, sinh năm 1958.

3. Bà **TTC**, sinh năm 1962.

Cùng trú quán: Ấp TT, xã XL, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông **THH**, sinh năm 1961.

Trú quán: Số 4C đường 19, ấp ST, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai.

5. Ông **THS**, sinh năm 1965.

Trú quán: Ấp TT, xã XL, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của bà T, ông K, bà C, ông S: Ông THH. (Văn bản ủy quyền ngày 20/7/2015).

6. Bà **NTTh**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp TT, xã XL, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai.

7. **Ủy ban nhân dân thị xã LK, tỉnh Đồng Nai.**

Địa chỉ: Đường CMT8, phường XA, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông HCG - Phó trưởng phòng tư pháp thị xã LK. (Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2016).

(Bà T, ông H, bà Th, ông P, bà T, bà C, ông H1, ông K, ông S, ông Đạt có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông TXA trình bày:

Khoảng năm 2004, khi nhà nước có chủ trương hóa giá nhà cho công nhân Công ty cao su ĐN (thời điểm này cha của ông đã chết), mẹ ông là bà LTT đã già yếu sống cùng với ông, nên đồng ý cho ông căn nhà và đất mà bà T được ưu tiên mua hóa giá. Vì vậy, ông đã lập thủ tục và nộp tiền mua hóa giá nhà và đứng tên vợ chồng ông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH- 983674 do Ủy ban nhân dân thị xã LK cấp ngày 22/03/2007. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là đúng theo quy định của pháp luật. Trên diện tích đất này còn có một căn nhà do bà TTTT xin bà T xây để ở tạm, diện tích 4m x 10m. Nay ông yêu cầu bà Th, ông P phải trả lại 131,6m² đất đang ở nhờ. Ông không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà Th và yêu cầu độc lập của bà T đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH- 983674 do Ủy ban nhân dân thị xã LK cấp ngày 22/03/2007 cấp cho vợ chồng ông tại thửa 475, tờ bản đồ số 10A, xã XT, diện tích 241,4m² (trong đó được cấp giấy 193,3m², không được cấp giấy 48,1m²).

Bị đơn có yêu cầu phản tố bà TTTT trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Bố mẹ của bà là ông TQK và bà LTT đều là công nhân của Nông trường cao su AL thuộc Tổng công ty cao su Đồng Nai. Năm 1997 bố mẹ bà cho bà phần đất khoảng 100m², vợ chồng bà đã xây nhà cấp 4 diện tích 63m² và sống ổn định từ đó đến nay. Năm 2004 thực hiện chủ trương hóa giá

nhà, đất cho công nhân nông trường đang ở, theo tiêu chuẩn thì bố mẹ bà thuộc đối tượng được mua nhà, đất bán hóa giá. Lúc này bố bà đã chết năm 2003, em trai bà là ông TXA cùng vợ NTT chuyển về sinh sống với mẹ bà, nhà gần nhà của bà. Trong quá trình sống chung với mẹ, vợ chồng ông A đã tự ý đăng ký kê khai đứng tên quyền sử dụng đất, bà T cũng không ủy quyền để ông A làm thủ tục mua hóa giá nhà. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông A khởi kiện yêu cầu bà phải trả lại đất. Bà khẳng định đây là đất của bố mẹ bà, bà không đồng ý với yêu cầu của ông A và giữ nguyên yêu cầu phản tố, đề nghị công nhận diện tích nhà, đất bà đang sử dụng 131,6m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 983674 do Ủy ban nhân dân thị xã LK cấp ngày 22/03/2007 đứng tên ông A, bà T, tại thửa 475, tờ bản đồ số 10A, xã XT, diện tích 241,4m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà LTT và các ông TĐK, TTC, THH, THS (do ông H1 đại diện) trình bày:

Bà T sống trên phần đất nguyên đơn tranh chấp từ thời Pháp thuộc (khoảng năm 1950), lúc đó bà T làm thợ cạo mũ cao su, nên được cấp một ngôi nhà trên phần đất này, khi cấp không có giấy tờ gì. Sau khi lấy chồng, bà T tiếp tục ở trên đất từ đó cho đến nay. Năm 2003 chồng bà T mất, con trai út của bà là TXA ở với bà T. Bà T chỉ cho vợ chồng ông A ở trên đất cùng với bà, chứ không cho đất. Vợ chồng ông A đi làm thủ tục hóa giá nhà, đất và đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất không cho bà T biết. Do đó, bà T có đơn độc lập yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH-983674 do Ủy ban nhân dân thị xã LK cấp ngày 22/03/2007 đứng tên ông A, bà T, tại thửa 475, tờ bản đồ số 10A, xã XT, diện tích 241,4m². Bà T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông A đòi lại đất với bà Th.

Về ý kiến riêng của ông và các anh em khác trong gia đình gồm ông K, bà C, ông S (các con của bà T) mà ông làm đại diện theo ủy quyền, thì tất cả đồng ý với ý kiến của bà Th và bà T, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A. Các anh em trong gia đình không tranh chấp gì, chỉ đề nghị xem xét trả lại nhà, đất cho bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NTT trình bày:

Năm 2001 bà kết hôn với ông TXA và về sống chung nhà với ông A và mẹ chồng là bà T. Nguồn gốc nhà, đất đang tranh chấp do cha mẹ chồng bà làm công nhân cao su trước năm 1975, nên được cấp nhà để ở. Đến năm 2004 nhà nước có chủ trương hóa giá nhà thì mẹ chồng đồng ý cho hai vợ chồng bà làm thủ tục, đóng tiền để mua hóa giá và đứng tên chủ quyền vì chồng bà là con út trong gia đình và sống với bà T. Vợ chồng bà đã vay mượn tiền để làm giấy tờ đất, sau khi nhận giấy chồng bà có đưa cho bà T cất giữ. Bà Th (chị chồng của bà) nhiều lần yêu cầu đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chị tách hộ khẩu, nhưng chồng bà không đưa. Từ đó bà Th kiếm chuyện chửi bới và hăm dọa, gia đình hòa giải không được

nên chồng bà khởi kiện. Nay bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A, yêu cầu Tòa án công nhận căn nhà và thửa đất nói trên là của vợ chồng bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã LK trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH-983674 ngày 22/03/2007 của Ủy ban nhân dân thị xã LK cho ông TXA và bà NTT là đúng theo quy định của pháp luật, nên Ủy ban nhân dân thị xã LK không đồng ý với yêu cầu của bà Th đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Còn việc tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án thì Ủy ban nhân dân thị xã LK đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 27/09/2017, Tòa án nhân dân thị xã LK, tỉnh Đồng Nai tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông TXA về việc đòi lại diện tích đất 131,6m².

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà TTTT về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH-983674 do Ủy ban nhân dân thị xã LK cấp ngày 22/3/2007 cho ông TXA và bà NTT.

- Không chấp nhận phản tố của bà TTTT về yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 131,6m².

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà LTT về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH-983674 do Ủy ban nhân dân thị xã LK cấp ngày 22/3/2007 cho ông TXA và bà NTT.

Bà LTT có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai lại đất theo quy định.

- Về án phí: Ông TXA phải nộp 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà TTTT phải nộp 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp là 200.000đ và tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 200.000đ. Bà Th và bà T không phải nộp án phí đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận. Hoàn trả cho bà T 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Theo biên lai thu tiền số 000007 ngày 25/5/2015, biên lai thu tiền số 000265 ngày 23/9/2015 và biên lai thu tiền số 000450 ngày 05/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã LK.

Ngày 05/10/2017 ông TXA có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông nhưng không xem xét công sức đóng góp vào đất, tiền bỏ ra để mua tài sản hóa giá, tiền xây dựng sửa chữa nhà, bảo quản làm tăng giá trị tài sản.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Các đương sự khai nguồn gốc đất tranh chấp là của Công ty cao su ĐN cho bà T thuê, nhưng cấp sơ thẩm không đưa Công ty cao su ĐN vào tham gia tố tụng là thiếu.

Đối với thủ tục hóa giá nhà: Công ty cổ phần kinh doanh nhà Đồng Nai bán nhà cho người đang thuê, ông A là người đang thuê nhà nên được mua nhà bán hóa giá theo Nghị định số 61 của Chính phủ. Bà T không phải là người thuê nhà và mua nhà bán hóa giá nên không phải là chủ sở hữu nhà. Cấp sơ thẩm căn cứ vào Công văn trả lời số 414 của Tổng Công ty cao su ĐN để xác định tiêu chuẩn mua hóa giá là không đúng vì công văn này trái với Nghị định 61 của Chính phủ. Ông A đã lập thủ tục mua nhà hóa giá theo quy định và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên đề nghị bác phản tố của bị đơn và bác yêu cầu độc lập của người liên quan về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông A. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Th trả đất đang sử dụng, ông A thanh toán giá trị nhà cho bà Th.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Về quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

Về nội dung: Nhà đất tranh chấp là của Nông trường cao su cho bà T thuê từ trước giải phóng. Hiện trên đất có nhà bà T thuê và nhà của bà Th (con bà T) làm từ năm 1997. Năm 2006 nguyên đơn làm thủ tục mua hóa giá nhà và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007, nhưng tiêu chuẩn mua hóa giá nhà là của công nhân nông trường, công văn số 414 của Tổng Công ty cao su ĐN đã trả lời rõ về nội dung này. Vợ chồng ông A không có chứng cứ chứng minh đã được bà T cho nhà đất để đi làm thủ tục mua hóa giá nhà. Vợ chồng ông A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng đối tượng, đề nghị bác khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận phản tố của bị đơn hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Nguồn gốc nhà, đất tranh chấp là của Nông trường AL thuộc Tổng Công ty cao su ĐN cho bà LTT thuê vì bà T là công nhân nông trường. Ông TXA (con bà T) không làm công nhân nông trường hay đơn vị nào khác trực thuộc Tổng công ty cao su Đồng Nai. Thủ tục mua hóa giá nhà của ông A là không đúng vì tiêu chuẩn mua hóa giá nhà là của bà T, ông A không được bà T đồng ý cho làm thủ tục mua hóa giá và ông A cũng không đại diện hộ gia đình bà T mua hóa giá nhà. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thị xã LK căn cứ vào hồ sơ hóa giá nhà để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông A là không đúng. Cấp sơ thẩm bác khởi kiện của ông A, chấp nhận yêu cầu độc lập của bà T, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông A là có căn cứ. Tuy nhiên, bà T

không có yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, nên cấp sơ thẩm không giao đất cho bà T, nhưng lại tuyên bà T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, đề nghị sửa án sơ thẩm về cách tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông TXA làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Qua lời khai các đương sự và chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định nguồn gốc nhà, đất tại thửa 475, tờ bản đồ số 10A xã XT (thửa mới số 73, tờ bản đồ số 07), thị xã LK là của Nông trường cao su AL cho bà LTT thuê từ tháng 06/1976. Năm 2004, Nhà nước có chủ trương hóa giá nhà thuộc sở hữu nhà nước cho công nhân Nông trường, thời điểm này ông TXA là con trai út của bà T đang sống cùng nhà với bà T đã làm thủ tục hóa giá nhà và được mua hóa giá nhà đất. Sau đó vợ chồng ông A, Thành làm thủ tục kê khai và được Ủy ban nhân dân thị xã LK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 983674 ngày 22/3/2007, tại thửa 475, tờ bản đồ số 10A, diện tích 241,4m² (trong đó được cấp giấy 193,3m², không được cấp giấy 48,1m²).

Mặc dù ông A, bà T là người mua hóa giá nhà, đất và đã được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng theo Công văn số 414/CSEDN –XDCB ngày 30/5/2016 (bút lục 114) của Tổng Công ty cao su ĐN thì “*tiêu chuẩn được mua hóa giá nhà là cán bộ, công nhân viên thuộc Tổng công ty cao su ĐN, hiện là chủ căn nhà do Nông trường và Công ty quản lý. Trường hợp chủ hộ là cha, mẹ đã nghỉ hưu thì người đại diện cho hộ gia đình thuê phải có cùng hộ khẩu, đang làm công nhân và có khả năng tài chính để trả tiền thuê nhà hàng tháng...*”. Như vậy, thời điểm ông A đi làm thủ tục hóa giá nhà cho cá nhân mình mà không phải đại diện cho hộ gia đình và cũng không có ý kiến gì của bà T (người đủ tiêu chuẩn mua hóa giá nhà) là không đúng. Ông A cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh bà T đã cho ông nhà, đất để ông đi làm thủ tục mua hóa giá. Ủy ban nhân dân thị xã LK đã căn cứ vào hồ sơ hóa giá nhà để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông A là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của bà LTT hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 983674 ngày 22/3/2007, thửa 475, tờ bản đồ số 10A, diện tích 241,4m² đã cấp cho vợ chồng ông A, đồng thời bác khởi kiện của ông A về tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất với bà Th và bác phản tố của bà Th về công nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ pháp luật.

Trong vụ án này, bà LTT có đơn khởi kiện độc lập, nhưng trong đơn chỉ yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông A mà không có yêu cầu khởi kiện tranh chấp về dân sự buộc vợ chồng ông A, vợ chồng bà Th (những người đang trực tiếp sử dụng đất) phải trả lại đất. Trong bản khai ngày 24/11/2015 (bút lục 67) bà T có ghi “*mong quý Tòa án thị xã LK đòi lại ngôi nhà và đất mà tôi đã bỏ suốt cuộc đời mà có...*”, nhưng bà T lại không làm đơn yêu cầu độc lập bổ sung và đóng tạm ứng án phí nên Tòa án thị xã LK không thụ lý giải quyết yêu cầu dân sự về “Đòi lại tài sản” của bà T với các con (nguyên đơn, bị đơn) là đúng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại tuyên bà T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai lại đất theo quy định là không đúng, vì đây là quyền của bà T, bà T có đi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không và có được cấp giấy chứng nhận hay không là việc của bà T với cơ quan có thẩm quyền. Do đó, cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên.

Ông A kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm không xem xét công sức giữ gìn, tôn tạo đất, tiền mua nhà hóa giá của ông. Tuy nhiên, do ông A với bà T không có tranh chấp quyền sử dụng đất, mà bà T chỉ có yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông A, nên nội dung kháng cáo này cấp phúc thẩm không thể xem xét giải quyết. Các đương sự (ông A, bà T) có quyền khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất và các nội dung yêu cầu tính công sức giữ gìn, tôn tạo đất, tiền mua nhà hóa giá nhà sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Do sửa án sơ thẩm về cách tuyên, nên ông A không phải chịu án phí phúc thẩm.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận một phần.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 27/09/2017 của Tòa án nhân dân thị xã LK về cách tuyên.

Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh số 10/2009/PL – BTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông TXA với bị đơn bà TTTT về đòi lại diện tích đất 131,6m² tại thửa 475 tờ bản đồ số 10A xã XT (thửa mới số 73, tờ bản đồ số 07), thị xã LK.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà TTTT về việc công nhận quyền sử dụng diện tích đất 131,6m² tại thửa 475, tờ bản đồ số 10A, xã XT (thửa mới số 73, tờ bản đồ số 07), thị xã LK.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà TTTT và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà LTT: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH-983674 do Ủy ban nhân dân thị xã LK cấp ngày 22/3/2007 đứng tên ông TXA, bà NTT.

Về án phí: Ông TXA phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm, ông A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp tổng cộng 500.000đ theo các biên lai thu số 000007 ngày 25/5/2015 và 007851 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã LK được trừ vào án phí ông A phải chịu, hoàn trả ông A 300.000đ án phí còn dư.

Bà Th phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí 200.000đ bà Th đã nộp theo biên lai thu số 000265 ngày 23/9/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã LK được trừ vào án phí bà Th phải chịu.

Bà T không phải chịu án phí đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hoàn trả bà T 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 000450 ngày 05/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã LK.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Hà

Phan Thị Thu Hương

Vũ Thị Thu

